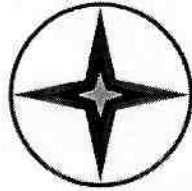


CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



EVNTPC PHA LAI

Địa chỉ: phường Phả Lại – thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203 881 126

Fax: 03203 881 388

Webside: www.ppc.evn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Hải Dương, tháng 4 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2015**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: **Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND**
- Địa chỉ: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203 881 126; Fax: 03203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 6: ngày 10 tháng 05 năm 2013.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

Năm	Sự kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;

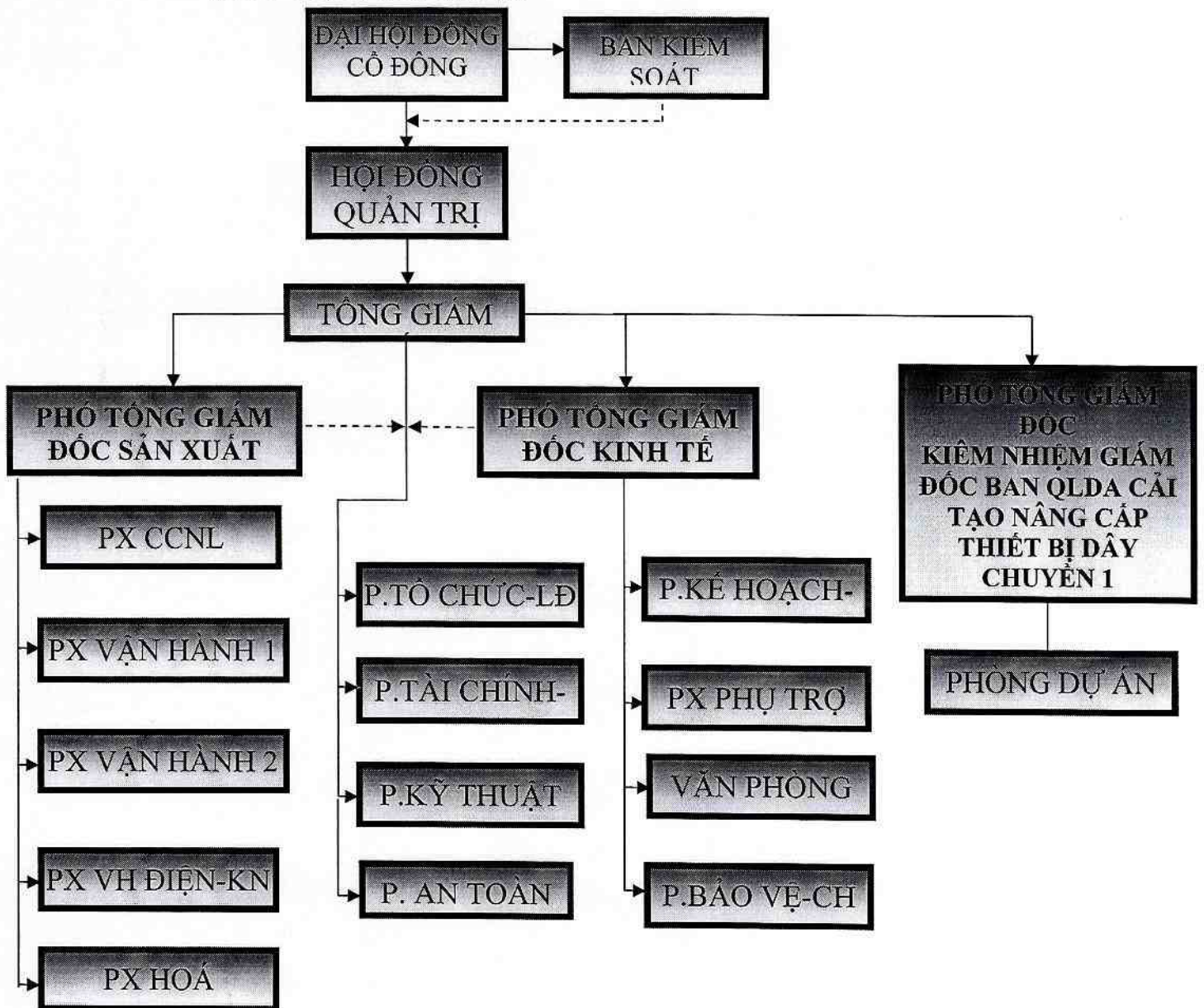
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ, nhiệt điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

+ Địa chỉ: phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện.

+ Vốn thực góp: 27.476.250.000 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc: 50%

- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

+ Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 5,9 tỷ kWh trở lên;

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công thương;

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2015 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao. Năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm, sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu tác động mạnh tới kinh tế thế giới và gây áp lực đến tình hình sản xuất trong nước. Trong bối cảnh như vậy, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và nhiệm vụ cụ thể, trong đó trọng tâm là thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, vì vậy Năm 2015, Công ty sản xuất được 6,29 tỷ kWh đạt 102,08 % so với kế hoạch năm, doanh thu từ sản xuất điện đạt 101,47 % so với kế hoạch. Tỷ giá giữa JPY/VND tăng cao ảnh hưởng lớn, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2015 (tỷ đồng)	Năm 2015 (tỷ đồng)	So sánh với năm 2014 %	So sánh với kế hoạch năm 2015 %
1.	Sản lượng điện sản xuất (kWh)	6.305,04	6.170,00	6.298,25	99,89	102,08
2.	Lợi nhuận gộp về bán hàng	497,25	282,23	963,62	193,79	341,43
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	1.303,07	413,66	470,34	36,09	113,70
4.	Lợi nhuận trước thuế	1.301,51	710,38	604,49	46,45	85,09

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2015)

Lợi nhuận gộp về bán hàng gia tăng so với kế hoạch 2015 và so với năm 2014 nguyên nhân: Doanh thu bán điện tăng vì giá bán điện bình quân cao hơn kế hoạch và cao hơn giá bán điện bình quân năm 2014, đồng thời thiết bị máy móc của Nhà máy Phả Lại 2 đã hết khấu hao từ tháng 6/2015, giúp lợi nhuận gộp của PPC cải thiện từ quý 3/2015.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính giảm so với kế hoạch năm 2015 và giảm so với 2014 nguyên nhân: Do tỷ giá đồng JPY biến động tăng mạnh do vậy phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá khoản gốc vay phải trả trong năm, Công ty đã hạch toán khoản chi phí chênh lệch tỷ giá vào chi phí tài chính trong kỳ.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

1. Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Phạm Văn Thư - Tổng Giám đốc;
3. Ông Nguyễn Văn Quyên - Phó Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Văn Thủy - Phó Tổng Giám đốc;
5. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc.

1	Ông Phạm Kim Lâm	
❖	Chức danh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/12/1958
❖	Nơi sinh	Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải

		Dương
❖	Trình độ đào tạo	Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.
❖	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
❖	Quá trình công tác:	
	05/1984 - 08/1993	Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	09/1993 - 8/2004	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	9/2004 - 4/2008	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
	17/4/2008 - 7/12/2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	8/12/2012 đến tháng 4/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
	05/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu	105.840 cổ phần
	- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP.
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
2	Ông Phạm Văn Thư	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	07/08/1959
❖	Nơi sinh	Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141403938 cấp ngày 13/01/2006 tại Hải Dương
❖	Trình độ đào tạo	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị

		Kinh doanh, Cử nhân chính trị.
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 11/1977 - 08/1982:	Công nhân sửa chữa lò hơi nhà máy điện Việt Trì - Vĩnh Phúc
	- Từ 09/1982 - 08/1986	Công nhân sửa chữa lò - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/1986 - 05/1990	Học trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên
	- Từ 06/1990 - 07/1992:	Kỹ thuật viên phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 08/1992 - 06/2000	Phó quản đốc phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2000 - 12/2005	Quản đốc phân xưởng Đại tu cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 01/2006 - 06/2007	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt - Công ty CP nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2007 - 11/2011	Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
	- Từ 12/2011 - 04/2013	Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
	- Từ 05/2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ:	
	- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ	90.050 CP
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP.
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4	Ông Nguyễn Văn Quyên	
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	10 tháng 03 năm 1960
❖	Nơi sinh	Thuy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh

❖ Địa chỉ thường trú	Nhà 44/77 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng Hà Nội
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	Chứng Minh thư số 013286129 cấp ngày 17 tháng 04 năm 2010 do công an Hà Nội cấp
❖ Trình độ đào tạo	Thạc Sỹ QTKD
❖ Quá trình công tác:	
- Từ 1984 – 1988	Nhân viên phòng kế hoạch vật tư – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1988 – 1990	Nhân viên phòng vật tư sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1990 – 1992	Học lớp bồi dưỡng kế toán cho kỹ sư học tại trường bồi dưỡng Cán bộ Thanh Xuân Hà Nội
- Từ 1990 – 1996	Nhân viên phòng Tài vụ sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1996 – 10/1997	Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 10/1997 – 6/2002	Phó phòng TCKT Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 7/2002- 11/2002	Phó phòng kế hoạch Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 11/2002 – 6/2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Năm 2009 đến 2010 học thạc sỹ QTKD
- Từ 6/2012 – 11/2013	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 11/2013 – 7/2015	Ủy viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc kinh tế Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 7/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
❖ Số cổ phần nắm giữ	Không
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
5 Ông Nguyễn Văn Thủy	
❖ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Giới tính	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	26/6/1963
❖ Nơi sinh	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh
❖ Quốc tịch	Việt Nam

❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương
❖	Trình độ đào tạo	Kỹ sư Tự động hóa. Cao cấp lý luận chính trị
❖	Quá trình công tác:	
	4/1987 - 3/1992	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại.
	4/1992 - 01/1995	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	02/1995 - 6/1999	Trưởng ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại
	7/1999 - 10/2001	Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	11/2001 - 01/2006	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại
	02/2006 - 8/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	9/2010 – 06/2012	Quản đốc phân xưởng Vận hành 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	07/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	15 CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
6	Ông Nguyễn Văn Tuấn	
❖	Chức vụ hiện tại	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	18/8/1961
❖	Nơi sinh	Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142464379
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ QTKD; kỹ sư hệ thống điện

❖	Quá trình công tác:	
❖	Từ 10/1982 - 03/1999	Kỹ thuật viên vận hành lò nhà máy điện Phả Lại
❖	Từ 04/1999 - 04/2000	Kỹ thuật viên Tổ CBSX Ban QLDA Phả Lại
❖	Từ 05/2000 – 03/2003	Phó quản đốc PX vận hành nhà máy điện Phả Lại
❖	Từ 04/2003 – 05/2005	Quản đốc PX vận hành 2 nhà máy nhiệt điện Phả Lại
❖	Từ 05/2005 – 08/2010	Quản đốc PX vận hành 2 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Từ 09/2010 – 06/2015	Trưởng phòng Tổ chức Lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Từ 07/2015 đến nay	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Số cổ phần nắm giữ	75810
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2015

Từ tháng 7/2015 Ông Nguyễn Văn Tuấn được quyết định bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

ĐỐI TƯỢNG	Tổng số CBNV đầu năm 2015	Số CBNV tăng trong năm	Số CBNV giảm trong năm	Tổng số CBNV cuối năm 2015
TỔNG SỐ				
Khối đoàn thể	4	0	0	4
Lãnh đạo Công ty	4	1	0	5
Văn Phòng	137	69	74	132
P. Tổ chức – LĐ	9	3	2	10
P. Tài chính - Kế toán	11	0	0	11
P. Kế hoạch - Vật tư	66	13	18	61
Phòng Kỹ thuật	42	1	8	35
P. Bảo vệ - Cứu hoả	69	1	2	68
An Toàn		5	0	5
PX. Vận hành 1	265	61	63	263
PX. Vận hành 2	321	29	31	319
PX. Vận hành Điện - KN	100	26	16	110
PX. Cung cấp nhiên liệu	229	43	52	220
PX. Hoá	66	8	10	64

PX. Phụ trợ	19	3	3	19
Ban Quản lý dự án		2	0	2
Tổng	1.342	265	279	1.328

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Trong khi chờ các cơ quan có thẩm quyền cấp trên hướng dẫn việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương, Công ty hiện nay vẫn đang tạm thời tiếp tục thực hiện việc xếp lương cho người lao động (NLD) theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty năm 2015 cao hơn so với năm trước.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;

+ NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu có nguyện vọng sẽ được Công ty xem xét tuyển dụng con (con đẻ, con nuôi hợp pháp) vào làm việc khi có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển dụng của Công ty ;

+ Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLD được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 20.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2015 là: 3.076,36 tỷ đồng, Công ty đã tính toán và tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi để gửi các ngân hàng có lãi suất huy động cao, đảm bảo an toàn mang lại hiệu quả cao.

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Đến 31/12/2015 Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư dài hạn 2.012,12 tỷ đồng. Trong đó:

- Góp vốn vào công ty liên kết là: 1.257,86 tỷ đồng

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng từ năm 2009 đến năm 2015 với tổng số tiền là: **1.451,06** tỷ đồng tương đương với 127.450.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ, điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ là -192,26 tỷ đồng. Năm 2015, Công ty đã nhận được cổ tức là 6% của năm 2014. Dự kiến cổ tức năm 2015 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là 5,5%

- Đầu tư dài hạn khác là: 1.201,25 tỷ đồng

+ Đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i): 114,07 tỷ đồng

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (ii): 817,3 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii): 70,8 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (ii): 100 tỷ đồng.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Buôn Đôn (ii): 50,25 tỷ đồng.

+ Đầu tư chứng khoán khác (iii): 46,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư khác: 2,3 tỷ đồng.

(i) **Đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(ii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần thủy điện Buôn Đôn, Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn vốn góp. Đối với phần góp vốn tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định pháp luật và số trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là: 322,48 tỷ đồng.

(iii) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện

đánh giá thận trọng khoản đầu tư này và đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu là: 2,48 tỷ đồng.

- Trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là: -446,94 tỷ đồng

3.2 Các khoản cho vay và huy động vốn ngắn và dài hạn

a. Cho huy động vốn

Tổng số tiền cho vay ngắn hạn là: 735 tỷ đồng. Là số tiền Tổng công ty phát điện 2 huy động vốn từ công ty theo hợp đồng huy động vốn số 01/2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19/5/2015. Hợp đồng có thời hạn 01 năm kể từ ngày giải ngân. Công ty giải ngân theo từng kế ước nhận nợ và lãi được trả vào ngày cuối cùng hàng quý.

b. Cho vay dài hạn và hợp đồng quản lý vốn dài hạn

Tổng số tiền cho vay dài hạn là: 2.350 tỷ đồng. Trong đó bao gồm:

Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn 350 tỷ đồng để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu theo hợp đồng số 03/2010. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

Ủy thác quản lý vốn tại Tập đoàn điện lực Việt Nam là: 2.000 tỷ. Bao gồm phụ lục gia hạn hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 01-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1.000 tỷ đồng có thời hạn từ 20/8/2015 đến 20/8/2019. Và phụ lục hợp đồng số 02-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1.000 tỷ đồng có thời hạn từ 26/10/2015 đến 26/10/2019.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

a. Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS)

Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện. NPS đang là đơn vị chủ yếu thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của Công ty. Năm 2015, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại thực hiện kế hoạch của mình sửa chữa nhiều hạng mục đã ký kết với NPS. Do vậy, đã góp phần tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tổng giá trị 27,48 tỷ đồng tương đương với 2.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 50% vốn điều lệ; Năm 2015, Công ty đã nhận được cổ tức là 15% của năm 2014. Và dự kiến Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa Miền Bắc trả cổ tức năm 2015 là: 12%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của NPS như sau:

- Tổng Doanh thu:	196.533.091.731 đồng
Trong đó:	
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	195.380.951.683 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	665.400.593 đồng
+ Thu nhập khác:	486.739.455 đồng
- Tổng chi phí:	183.253.519.492 đồng
Trong đó:	
+ Giá vốn hàng bán:	165.630.428.295 đồng

- Lợi nhuận trước thuế:

13.279.572.239 đồng

b) Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chính thức đưa vào vận hành các tổ máy số 1 và số 2 vào năm 2011 và Tổ máy 3,4 chạy thương mại đầu năm 2015. Toàn bộ sản lượng điện sản xuất ra Công ty đều bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Trong năm 2015 doanh thu công ty đạt được 9.128,36 tỷ đồng. Do các tổ máy mới đi vào hoạt động do vậy chi phí phân bổ vào giá thành lớn. Tổng chi phí sản xuất 2015 của Công ty là 8.736,79 tỷ đồng. Năm 2015 lợi nhuận sau thuế đạt 391,57 tỷ đồng. Do công ty đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn vay ngoại tệ, bên cạnh đó do tỷ giá ngoại tệ hàng năm có sự biến động làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông khoảng 7 %.

4. Tình Hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1.	Tổng giá trị tài sản	11.324,08	11.069,27	97,75
2.	Doanh thu thuần	7.481,94	7.664,95	102,45
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.303,07	470,34	36,09
4.	Lợi nhuận khác	8,44	19,48	230,81
5.	Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết	(9,99)	114,68	(1.147,95)
6.	Lợi nhuận trước thuế	1.301,51	604,49	46,45
7.	Lợi nhuận sau thuế	1.054,11	565,77	53,67
8.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.115	1.778	57,08

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2015)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ (TSNH)/Nợ ngắn hạn	4,90	4,53	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4,44	4,03	
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,49	0,48	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,98	0,93	
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	9,91	10,15	

	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,66	0,69	
4.	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,07	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,10	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,05	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,17	0,06	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/3/2016 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 26/3/2016- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu	8.607	326.235.000	100,00	
I.1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	3	259.745.486	79,62	Genco 2 REE, HALLEY SICAV
I.2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	8.604	66.489.514	20,38	
II	Phân loại theo chủ thể sở hữu				
II.1	Cá nhân	8.461	23.803.430	7,30	
II.2	Tổ chức	146	302.431.570	92,70	
II.3	Trong nước	7.874	282.561.828	86,61	
II.4	Nước ngoài	733	43.673.172	13,39	
II.5	Cổ đông nhà nước	1	166.391.896	51,00	
II.6	Cổ đông khác	8.606	159.843.104	49,00	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không*

e) Các chứng khoán khác: *Không*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 ổn định, hiệu quả. Sản lượng điện sản xuất đạt: 6,298 tỷ kWh, đạt 102,08 % kế hoạch; Lợi nhuận từ sản xuất điện 824,56 tỷ đồng, đạt 292,16% kế hoạch; Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: - 308,63 tỷ đồng không đạt kế hoạch.

Tại Công ty mẹ tổng doanh thu: 8.002,05 tỷ đồng đạt 101,86% so với kế hoạch; Tổng chi phí: 7.443,85 tỷ đồng bằng 104,17 % kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế: 558,20 tỷ đồng, đạt 78,58% kế hoạch.

Năm 2015, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế giảm so với kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra và so với năm 2014 bởi hai yếu tố chính là lợi nhuận từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận từ hoạt động tài chính thua lỗ.

- Lợi nhuận từ sản xuất điện tăng mạnh, nguyên nhân:

+ Thiết bị máy móc của Nhà máy Phả Lại 2 đã hết khấu hao từ tháng 6/2015, bên cạnh tác động của yếu tố thời tiết (mùa khô khiến sản lượng và giá điện tăng) và giá điện hợp đồng của PL2 đã được ký cố định trong 18 năm (2014 – 2031) nên chi phí khấu hao giảm sẽ giúp lợi nhuận gộp của PPC cải thiện từ quý 3/2015.

+ Giá trị thực hiện sửa chữa lớn năm 2015 thấp hơn nhiều so với kế hoạch và thấp hơn năm 2014.

+ Tiết kiệm nguyên nhiên liệu và các vật tư tiêu hao trong sản xuất so với phương án giá điện.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính thua lỗ, nguyên nhân:

+ Do tỷ giá giữa JPY với VNĐ tăng 7% so với đầu năm 2015, nên lỗ chênh lệch tỷ giá làm tăng chi phí tài chính trong kỳ, do đó hoạt động tài chính bị lỗ.

Bên cạnh những mặt tồn tại, năm 2015 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã có những tiến bộ sau:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Sau cổ phần hóa đến nay, Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

+ Dẫn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 phiên bản 2010 vì vậy công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả hơn.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2015 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 11.324,08 tỷ đồng cuối năm là 11.069,27 tỷ đồng giảm 254,81 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2015 tăng lên so với năm 2014, bên cạnh đó là các khoản phải thu được từ khách hàng đã giảm xuống mà chủ yếu là khoản thu từ việc bán điện.

Chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu dài hạn của Công ty có sự chênh lệch cao giữa năm 2015 so với năm 2014 là do khoản cho EVN huy động vốn đã được chuyển từ phải thu về cho vay ngắn hạn sang phải thu về cho vay dài hạn (Từ hợp đồng ủy thác quản lý vốn có kỳ hạn 01 năm, công ty đã ký phụ lục gia hạn 04 năm).

Tài sản dài hạn trong năm giảm do tài sản cố định trong năm giảm. Việc tài sản giảm do một số tài sản đã hết khấu hao, do cũ, lạc hậu lên thanh lý, việc giảm chi phí khấu hao tài sản làm cho chi phí trong năm giảm do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong năm.

Trong năm 2015, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh là 322 tỷ do biến động của tỷ giá. Vì vậy chỉ tiêu các khoản đầu tư tài chính dài hạn bị giảm.

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/01/2006. Đến thời điểm 31/12/2015 Công ty còn nợ là: 23,21 tỷ JPY; Tỷ giá giữa VNĐ/JPY do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam thông báo tại ngày 31/12/2015 là 187,86 VNĐ/JPY.

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tỷ giá này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của

Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2015 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý được nâng cao, an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

- Năm 2015 Công ty hoàn thành công tác trung tu tổ máy 6 còn tổ máy số 2 và số 4 không thực hiện được, do các hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị không kịp thời gian để dừng tổ máy trung tu và không lựa chọn được nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công.

Công tác trung tu theo kế hoạch được thực hiện đảm bảo an toàn, chất lượng và vượt tiến độ đề ra, đảm bảo các tổ máy luôn vận hành theo phương thức huy động công suất của trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều tuy nhiên rủi ro từ các khoản vay chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Yên Nhật Bản.

- Lưu ý giám sát trong công tác quản lý mua sắm vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của kho.

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ, thạch cao) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nhân lực (đặc biệt là người lao động của Dây chuyền 1).

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động và kinh doanh có lãi. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh trước mọi diễn biến của thị trường.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

- Phần đầu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

- Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Thư	- Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Văn Dư	- Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	- Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Việt Hà	- Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1.	Ông. Trần Văn Dư	49.917.569	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty phát điện 2 (Đại diện 30% phần vốn nhà nước tại PPC)
2.	Ông. Nguyễn Việt Hà	7.773.420	Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (Đại diện 2,38% của PVFC)
3.	Bà. Nguyễn Thị Mai Thanh	71.115.450	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (Đại diện 21,8% của REE)
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác		
1.	Ông. Phạm Kim Lâm	105.840/66.556.758	ĐD 40% phần vốn Nhà nước tại PPC
2.	Ông. Phạm Văn Thư	90.050/49.917.569	ĐD 30% phần vốn NN tại PPC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Các

thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 88/NQ-PPC-HĐQT	10/3/2015	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	Số 89/NQ-PPC-HĐQT	20/4/2015	Về việc cử người tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam nhiệm kỳ 2012-2016. Chấp thuận cử Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh – Kế toán viên phòng Tài chính kế toán tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam nhiệm kỳ 2012-2016.
3	Số 90/NQ-PPC-HĐQT	08/5/2015	Về việc Trả cổ tức lần 2 năm 2014 bằng tiền mặt.
4	Số 91/NQ-PPC-HĐQT	22/5/2015	Về việc chấp thuận đề nghị bổ nhiệm Ông Hoàng Văn Phong - Kỹ sư hệ thống điện, Quyền Trưởng Phòng An Toàn - Giữ chức vụ Trưởng Phòng An Toàn ; Thời hạn bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày 1/6/2015.
5	Số 92/NQ-PPC-HĐQT	26/6/2015	Về việc Bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý. Chấp thuận đề nghị bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sỹ QTKD đang là Trưởng phòng Tổ chức Lao động - Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, nhiệm kỳ bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày Quyết định.
6	Số 93/NQ-PPC-HĐQT	29/6/2015	Về việc Bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý. Chấp thuận đề nghị bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Sơn - Kỹ sư Hệ thống điện, Phó trưởng phòng Kế hoạch Vật tư – Giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức Lao động; Thời hạn bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày 01/07/2015.

7	Số 94/NQ-PPC-HĐQT	15/7/2015	<p>Hội đồng Quản trị chấp thuận đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán và ký hợp đồng Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 với các nội dung cụ thể như sau:</p> <p>1. Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.</p> <p>2. Nội dung dự thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, trong đó tổng giá trị hợp đồng : 274.797.600 đồng (đã bao gồm VAT), <i>Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng.</i></p>
8	Số 95/NQ-PPC-HĐQT	31/7/2015	<p>Về việc Bổ nhiệm Cán bộ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>- Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Điềm - Kỹ sư Điện tử viễn thông, phụ trách phòng Bảo vệ - Cứu hỏa - Giữ chức vụ Trưởng phòng Bảo vệ - Cứu hỏa.</p> <p>- Thời hạn bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày 01/08/2015.</p>
8	Số 96/NQ-PPC-HĐQT	19/8/2015	<p>Về việc hợp định kỳ Quý 2 năm 2015.</p> <p>1. Thông qua báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2015;</p> <p>2. Thông qua đề án thành lập Ban quản lí dự án cải tạo, nâng cấp thiết bị dây chuyền 1. Giao Ông tổng Giám đốc Công ty rà soát hiệu chỉnh và thực hiện các bước tiếp theo đúng các quy định hiện hành của Nhà Nước</p>
10	Số 97/NQ-PPC-HĐQT	7/9/2015	<p>Về việc mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.</p> <p>- Hội đồng Quản trị không chấp thuận đề nghị mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.</p>

11	Số 98/NQ-PPC-HĐQT	30/9/2015	<p>Về việc thay thế Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại tại Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.</p> <p>1. Thôi cử Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng làm Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại tại Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng kể từ ngày 15/10/2015.</p> <p>2. Cử Ông Nguyễn Văn Quyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại làm Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng kể từ ngày 15/10/2015 để thay thế cho Ông Nguyễn Văn Thanh.</p>
12	Số 99/NQ-PPC-HĐQT	30/9/2015	<p>Về việc thành lập Ban Quản lý Dự án Cải tạo Nâng cấp Thiết bị Dây chuyền 1</p> <p>- Chấp thuận việc thành lập Ban Quản lý Dự án Cải tạo Nâng cấp Thiết bị dây chuyền 1.</p>
13	Số 100/NQ-PPC-HĐQT	30/12/2015	<p>Chấp thuận việc thành lập Phòng Dự án.</p>
14	Số 101/NQ-PPC-HĐQT	30/12/2015	<p>Về việc Bổ nhiệm Cán bộ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>1. Bổ nhiệm ông Trịnh Hoàng Nhân - Cử nhân tài chính ngân hàng, hiện đang là chuyên viên kế hoạch, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kế hoạch vật tư.</p> <p>Thời gian bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày 01/01/2016.</p> <p>2. Bổ nhiệm ông Mạc Văn Dương - Cử nhân luật kinh tế, hiện đang là chuyên viên an ninh chính trị nội bộ, giữ chức vụ Phó trưởng phòng Bảo vệ cứu hoả.</p> <p>Thời gian bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày 01/01/2016.</p> <p>3. Bổ nhiệm ông Phạm Thanh Tùng - Kỹ sư hóa, hiện đang là kỹ sư, kỹ</p>

		thuật viên phân xưởng Hóa, giữ chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng Hóa. Thời gian bổ nhiệm: 3 năm kể từ ngày 01/01/2016.
--	--	---

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 03 thành viên độc lập là ông Trần Văn Dư – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 2, Bà Nguyễn Thị Mai Thanh - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh, là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần; Ông Nguyễn Việt Hà - Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

- 1- Ông **Mai Xuân Tùng** - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2 - Ông **Lưu Xuân Trang** - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3 - Bà **Trịnh Thị Tuyết** - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Ông Mai Xuân Tùng	0	Kế Toán trưởng – Công ty Thủy điện Trung Sơn.
2.	Ông Lưu Xuân Trang	0	Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư – Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
3.	Bà Trịnh Thị Tuyết	8.005	Chuyên viên kinh tế phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123- Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 37 - Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả lại;

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện

nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2015 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2015;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2015:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2015 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : đồng

ST T	Họ và Tên	Chức danh	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2015	Ghi chú
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc			
1.	Phạm Kim Lâm	Chủ tịch HĐQT	529.000.000	
2.	Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc	477.800.000	
II	Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS			
1.	Phạm Văn Thư	Thành viên HĐQT	72.000.000	
2.	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3.	Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên HĐQT	72.000.000	
4.	Trần Văn Dư	Thành viên HĐQT	72.000.000	
5.	Nguyễn Quang Cường	Trưởng ban kiểm soát	22.000.000	Miễn nhiệm từ 22/4/2015
6.	Mai Xuân Tùng	Trưởng ban kiểm soát	44.000.000	Bổ nhiệm từ 22/4/2015
7.	Trịnh Thị Tuyết	Thành viên BKS	60.000.000	
8.	Lưu Xuân Trang	Thành viên BKS	60.000.000	
	Tổng cộng :		1.480.800.000	

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ (Không)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm:

1. Ý kiến kiểm toán: (trang 32)
2. Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán 2015 (trang 28 đến 63)

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính Công ty hợp nhất trên website <http://www.ppc.evn.vn>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>
- Lưu VT, KHVT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Thư

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-34

11.10.2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Văn Dư	Thành viên
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

TRAC DI VI THO

Số: 63/ VNIA-HN-ĐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

0112
ÔNG
NHỆ
LO
TẾT
0A

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.972.618.212.272	7.479.970.292.640
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	713.868.733.230	1.186.893.688.723
1. Tiền	111		31.855.154.711	40.893.688.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		682.013.578.519	1.146.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.199.610.838.721	4.139.361.450.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.466.792.190.207	2.141.587.608.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.386.204.582	509.429.422
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	735.000.000.000	2.000.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		415.127.287	857.722.580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.982.683.355)	(3.593.310.271)
IV. Hàng tồn kho	140	10	660.122.495.795	704.979.618.572
1. Hàng tồn kho	141		841.308.740.512	882.797.762.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(181.186.244.517)	(177.818.147.313)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.664.179.453	2.883.573.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		762.884.505	1.318.605.884
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.901.294.948	1.564.967.185
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.096.656.681.309	3.844.111.113.973
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.350.000.000.000	350.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.350.000.000.000	350.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		425.271.993.431	854.126.274.400
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	420.545.620.530	844.523.621.623
- Nguyên giá	222		13.460.011.147.034	13.431.701.378.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.039.465.526.504)	(12.587.177.756.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.726.372.901	9.602.652.777
- Nguyên giá	228		58.779.299.156	57.787.131.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.052.926.255)	(48.184.478.379)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		305.314.133.232	241.597.640.218
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	305.314.133.232	241.597.640.218
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.012.124.664.178	2.394.890.013.380
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6	1.257.861.487.283	1.311.576.705.526
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(446.949.002.346)	(121.984.852.637)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		114.075.981.250	118.151.962.500
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.945.890.468	3.507.185.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.945.890.468	3.507.185.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.069.274.893.581	11.324.081.406.413

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.330.328.449.828	5.608.118.987.163
I. Nợ ngắn hạn	310		1.319.041.005.775	1.525.606.912.043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	429.551.053.378	326.132.997.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		538.988.080	162.756.018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	30.674.126.967	175.898.742.703
4. Phải trả người lao động	314		104.329.109.419	106.058.892.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	343.357.792.195	308.136.084.547
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.518.213.476	260.518.103.044
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	348.807.603.594	326.600.968.547
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.264.118.666	22.098.366.920
II. Nợ dài hạn	330		4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
I. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	157.128.522.365	157.128.522.365
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	493.148.698.983	481.135.503.956
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.912.749.706.325	1.899.344.385.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.352.098.927.440	854.638.988.799
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		560.650.778.885	1.044.705.397.065
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		39.172.244.929	41.666.733.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440-300+400)	440		11.069.274.893.581	11.324.081.406.413

(Chữ ký)

Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

(Chữ ký)

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	7.664.947.910.231	7.481.943.053.019
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		7.664.947.910.231	7.481.943.053.019
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	6.701.331.013.762	6.984.692.900.556
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		963.616.896.469	497.250.152.463
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	343.393.024.407	1.055.226.537.734
6. Chi phí tài chính	22	26	733.022.458.924	142.870.393.987
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.228.756.089	138.841.465.702
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		103.650.929.242	106.537.523.669
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		470.336.532.710	1.303.068.772.541
9. Thu nhập khác	31		20.508.923.132	20.142.597.281
10. Chi phí khác	32		1.029.675.971	11.707.015.266
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19.479.247.161	8.435.582.015
12. Lãi(Lỗ) trong công ty liên kết	24		114.675.674.354	(9.991.103.016)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		604.491.454.225	1.301.513.251.540
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	38.720.332.325	247.399.138.867
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		565.771.121.900	1.054.114.112.673
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		560.650.778.885	1.044.703.397.063
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.120.343.015	9.408.715.608
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.778	3.113

(Signature)

Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

(Signature)

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	604.491.454.225	1.301.513.251.540
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	458.197.337.934	700.605.926.145
Các khoản dự phòng	03	332.721.619.997	2.419.713.457
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	203.313.279.013	(585.950.726.854)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(458.051.316.816)	(450.477.359.964)
Chi phí lãi vay	06	120.228.756.089	138.841.465.702
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.260.901.130.442	1.106.952.270.026
Thay đổi các khoản phải thu	09	719.558.758.792	(842.028.989.541)
Thay đổi hàng tồn kho	10	41.489.022.573	231.721.717.518
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	394.778.338.898	381.358.110.464
Thay đổi chi phí trả trước	12	117.016.686	1.663.858.797
Tiền lãi vay đã trả	14	(120.607.420.109)	(146.301.864.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(185.072.382.597)	(396.655.209.670)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.240.766.916	3.245.965.862
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(37.004.916.254)	(26.344.587.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.075.400.315.347	313.611.271.477
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(294.290.301.559)	(199.641.698.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	49.636.360	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.715.000.000.000)	(3.954.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.031.500.000.000	4.261.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(27.600.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	401.594.286.824	468.152.974.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.576.146.378.375)	548.111.275.606
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(332.616.810.965)	(379.796.632.147)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(639.662.081.500)	(480.691.356.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(972.278.892.465)	(860.487.989.122)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(473.024.955.493)	1.234.557.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.186.893.688.723	1.185.659.130.762
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	713.868.733.230	1.186.893.688.723

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Lê Thi Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định Số 3024/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.328 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.359).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty còn là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác trong đường, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bụi; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hằng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

109 / T K U T A V N

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư, thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	11.313.454	85.667.139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.843.841.257	40.808.021.584
Các khoản tương đương tiền (i)	682.013.578.519	1.146.000.000.000
	713.868.733.230	1.186.893.688.723

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.508.427.946.323	2.508.427.946.323	1.564.003.927.573	1.564.003.927.573
a1) Ngân hạn	2.394.351.965.073	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073	1.445.851.965.073
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.380.000.000.000	2.380.000.000.000	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác (ii)	14.351.965.073	14.351.965.073	15.851.965.073	15.851.965.073
a2) Dài hạn	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500
- Trái phiếu (iii)	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm và được tính lãi theo lãi suất cố định.

(ii) Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMV).

(iii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại bất đầu từ ngày 19 tháng 5 năm 2016.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
b2) Đầu tư vào đơn vị khác	1.057.136.197.991	446.949.002.346	1.057.136.197.991	121.984.852.637
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	406.527.921.755	817.295.117.400	84.042.772.046
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	39.128.000.000	46.498.000.000	36.649.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	70.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bản Đôn	50.250.000.000	-	50.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Đơn vị khác	2.293.080.591	1.293.080.591	2.293.080.591	1.293.080.591

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các giao dịch giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015 VND	Hạng động chính
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97	25,97	1.257.861.487.283	Sản xuất điện

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá gốc của khoản đầu tư	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(193.194.282.867)	(139.479.064.624)
	1.257.861.487.283	1.311.576.705.526

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu tiền điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	95.246.982.602	72.534.322.444
Phải thu khách hàng khác	78.337.211.858	54.744.830.203
	1.466.792.190.207	2.141.587.608.472

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chưa năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Phải thu về cho vay				
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	735.000.000.000	735.000.000.000	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (ii)	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
	3.085.000.000.000	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền Tổng Công ty Phát điện 2 - trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty theo hợp đồng huy động vốn số 01/2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Công ty đã giải ngân cho vay theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số 01/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 07 tháng 7 năm 2015 với số tiền là 435 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 07 tháng 7 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 07 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.
- Khế ước nhận nợ số 02/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 10 năm 2015 với số tiền là 300 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 19 tháng 10 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 19 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.

(ii) Phải thu về cho vay dài hạn bao gồm khoản:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu với số tiền là 350 tỷ đồng. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- Ủy thác quản lý vốn tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm: phụ lục gia hạn hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 01-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 20 tháng 8 năm 2015 đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 và hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 02-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. NỢ XẤU**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFC)	17.373.269.390	7.326.894.041	17.373.269.390	3.021.304.520
Các đối tượng khác	1.148.719.208	655.789.314	1.256.283.407	572.005.751
Cộng	18.521.988.598	7.982.683.355	18.629.552.997	3.593.310.271

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	832.548.304.142	(181.186.244.517)	876.465.219.898	(177.818.147.313)
Công cụ, dụng cụ	7.575.698.287	-	5.283.508.440	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.759.541	-	54.990.423	-
Thành phẩm	1.157.978.342	-	994.044.124	-
Cộng	841.308.740.312	(181.186.244.517)	882.797.762.885	(177.818.147.313)

Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu bao gồm than, dầu sử dụng cho các tổ máy phát điện và vật tư tồn kho được mua với mục đích sửa chữa thường xuyên và cho các công trình sửa chữa lớn.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng bổ sung giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.368.097.204 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.910.507.978 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014 VND	Phát sinh trong năm		31/12/2015 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
a) Các khoản phải thu				
Các loại thuế khác	1.564.967.185	1.378.105.661	3.714.433.424	3.901.294.948
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>1.564.967.185</i>	<i>1.378.105.661</i>	<i>3.714.433.424</i>	<i>3.901.294.948</i>
Cộng	1.564.967.185	1.378.105.661	3.714.433.424	3.901.294.948
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	12.704.140.274	175.697.059.807	169.769.527.890	18.031.672.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	156.214.091.758	38.720.332.325	185.072.382.897	9.862.041.486
Thuế tài nguyên	3.093.631.824	25.509.369.924	26.062.823.658	2.540.178.090
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.146.302.310	14.146.302.310	-
Các loại thuế khác	341.608.880	26.010.342	367.619.222	-
Các khoản phải nộp khác	3.545.269.967	2.780.440.800	6.085.475.567	240.235.200
Cộng	175.898.742.703	256.279.515.508	401.504.131.244	30.674.126.967

CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2015
Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vấn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị: VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	1.712.161.044.163	11.590.075.300.585	85.651.135.136	41.144.635.445	2.609.262.740	13.431.701.378.069
Mua sắm mới	-	12.315.371.000	2.118.738.545	181.835.546	-	14.616.145.091
Đầu tư XDCEB hoàn thành	4.533.267.935	9.119.703.939	-	-	81.772.500	13.734.743.874
Phân loại lại	-	(841.785.000)	-	841.785.000	-	-
Tranh lý, nhượng bán	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	1.716.694.312.098	11.010.668.790.024	87.728.753.681	42.168.255.991	2.751.035.240	13.460.011.147.034
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	1.345.742.781.798	11.133.176.341.939	67.669.683.048	38.398.912.616	2.190.037.045	12.587.177.756.446
Trích khấu hao trong năm	39.969.994.363	406.262.263.818	4.111.825.258	1.654.324.314	330.452.105	452.328.890.058
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	1.385.712.776.161	11.539.438.605.757	71.740.388.306	40.053.236.930	2.520.489.150	13.039.465.526.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	330.981.535.737	71.230.154.267	15.988.365.375	2.115.019.061	230.546.090	420.545.620.530
Tại ngày 31/12/2014	366.418.262.365	456.898.958.646	17.981.452.088	2.745.722.829	479.225.695	844.533.621.623

Nguyên giá của TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 9.039 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.438 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Đơn vị: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
Tăng trong năm	-	992.168.000	992.168.000
Tại ngày 31/12/2015	57.414.901.632	1.364.397.524	58.779.299.156
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	47.812.248.855	372.229.524	48.184.478.379
Khấu hao trong năm	5.676.444.996	192.002.880	5.868.447.876
Tại ngày 31/12/2015	53.488.693.851	564.232.404	54.052.926.255
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Tại ngày 31/12/2014	9.602.652.777	-	9.602.652.777

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	304.939.840.134	240.169.166.127
Xây dựng cơ bản khác	374.293.098	1.428.474.091
	305.314.133.232	241.597.640.218

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (i)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (i)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (ii)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
Tổng	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(446.949.002.346)	(121.984.852.637)
Đầu tư thuần	640.187.195.645	965.151.345.354

(i) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10,61% và 19,30%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(ii) Đầu tư chứng khoán khác: khoản đầu tư 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chờ năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam	86.461.040.881	86.461.040.881	84.037.807.355	84.037.807.355
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng	90.059.094.931	90.059.094.931	10.286.908.363	10.286.908.363
Công ty Kinh doanh Than Bắc Lạng	84.160.576.569	84.160.576.569	37.213.048.412	37.213.048.412
Công ty Cổ phần Việt Long	79.275.850.818	79.275.850.818	103.562.193.475	103.562.193.475
Các khách hàng khác	89.594.490.179	89.594.490.179	91.033.040.014	91.033.040.014
	429.551.053.378	429.551.053.378	326.132.997.619	326.132.997.619

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi vay phải trả	33.681.734.223	34.060.398.243
Sửa chữa lớn	304.939.840.134	240.169.166.127
Trích trước tiền điện tự dùng	3.183.351.607	31.278.091.043
Các khoản khác	1.552.866.231	2.628.429.134
	343.357.792.195	308.136.084.547

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	608.824.439	848.715.210
Bảo hiểm xã hội	889.207.934	763.797.273
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.638.065.626	255.764.610.326
Các khoản khác	5.382.115.477	3.140.980.235
	8.518.213.476	260.518.103.044

CÔNG TY CỔ PHẦN NHUỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B.09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014			Phát sinh trong năm			31/12/2015		
	Giá trị	Số có lãi/nợ trả nợ	Tăng	Giảm	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giá trị	Số có lãi/nợ trả nợ	Giá trị	
Vay dài hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	283.598.814.945	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647	
	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	283.598.814.945	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647	

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2806/RHDCVI, ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phá Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	348.807.603.594	326.600.968.547
Trong năm thứ hai	348.807.603.594	326.600.968.547
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.046.422.810.782	979.802.905.641
Sau năm năm	2.616.057.029.677	2.776.108.200.932
	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở thuyết minh vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn)	348.807.603.594	326.600.968.547
Số phải trả sau 12 tháng	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢI LẠI

Phường Phải Lái, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thông tin này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất

MÃU SỐ B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Dẫn tư Phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)	3.262.350.000,000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	388.983.045.456	1.717.241.479.607	5.397.100.318.579
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.044.705.397.065	1.044.705.397.065
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(141.104.383.700)	(141.104.383.700)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	95.152.458.500	(45.951.927.200)	(45.951.927.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(477.231.921.000)	(477.231.921.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	(254.523.691.200)	(254.523.691.200)
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.262.350.000,000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	481.135.503.956	1.899.344.385.864	5.674.355.683.334
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	560.650.778.885	560.650.778.885
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(74.979.029.027)	(74.979.029.027)
Chia cổ tức (s)	-	-	-	12.013.195.827	(62.965.834.000)	(62.965.834.000)
(Giảm) hoặc lợi ích trong công ty liên kết	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(381.785.536.800)
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.262.350.000,000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	493.148.698.983	(90.480.692.597)	5.099.774.198.824

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phải Lái, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông: 381.785.536.800 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 58.832.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.287.063.027 VND;
- Trích quỹ thường ben điều hành: 322.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính hợp nhất.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	7.528.551.923.425	7.405.447.976.131
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
Điện tự dùng	1.321.291.495	2.079.260.000
Hoạt động khác	136.395.986.806	76.495.076.888
Doanh thu hoạt động khác	136.395.986.806	76.495.076.888
	7.664.947.910.231	7.481.943.053.019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015 VND	2014 VND
Hoạt động sản xuất điện	6.623.699.394.602	6.968.010.562.663
Chi phí than, dầu	5.444.414.649.780	5.450.930.331.668
Chi phí khấu hao	439.280.044.577	678.244.901.756
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí sửa chữa thường xuyên	162.328.227.944	143.507.307.790
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	230.395.263.129	213.208.318.515
Chi phí phụ liệu	116.853.598.400	20.013.425.553
Chi phí khác	60.908.711.158	80.255.503.911
Hoạt động khác	77.631.619.160	16.682.337.893
	6.701.331.013.762	6.984.692.900.556

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.653.039.170.572	5.403.222.906.531
Chi phí nhân công	395.323.919.628	394.437.440.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.121.745.187	698.090.075.822
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.410.419.900	49.429.520.935
Chi phí khác	110.547.788.103	164.199.707.221
	6.804.981.943.004	7.091.230.424.225

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.884.274.407	327.972.381.153
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	-	47.835.221.348
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	594.751.685.233
Cổ tức được nhận	8.508.750.000	84.667.250.000
	343.393.024.407	1.055.226.537.734

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	120.228.756.089	138.841.465.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	283.598.814.945	4.080.050.325
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	324.964.149.709	(871.000.000)
Chi phí tài chính khác	4.230.738.181	819.877.960
	733.022.458.924	142.870.393.987

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập chịu thuế	484.846.154.132	937.545.111.269
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	848.077.480.531	86.005.700.657
Thu nhập từ hoạt động khác	(363.231.326.399)	851.539.410.612
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.366.363.835	193.789.097.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (i)	353.968.490	53.610.040.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.720.332.325	247.399.138.867

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung trong năm thể hiện chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	565.771.121.900	1.054.114.112.673
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(62.965.834.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	565.771.121.900	991.148.278.673
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.778	3.115

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

11/2015/10/1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Nợ thuần	3.646.226.314.417	3.222.219.354.944
Vốn chủ sở hữu	5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,64	0,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.458.978.741.100	2.138.293.352.972
Phải thu về cho vay	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	754.263.176.895	1.083.303.307.854
Tổng cộng	8.406.462.616.298	8.204.342.314.622
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	436.088.555.280	586.651.100.663
Chi phí phải trả	38.043.658.963	66.538.444.329
Tổng cộng	4.834.227.261.890	5.062.302.588.659

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Yên Nhật (JPY)	4.360.095.647.647	4.409.113.043.667	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/lãng một khoản là 436.009.504.765 VND (năm 2014: 440.911.304.367 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

31/12
 ĐNC
 VNE
 LO
 ET
 7A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuận.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	-	-	713.868.733.230
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	-	-	2.394.351.965.073
Phải thu khách hàng và Phải thu về cho vay	1.458.978.741.100	-	-	1.458.978.741.100
Đầu tư dài hạn khác	735.000.000.000	2.000.000.000.000	350.000.000.000	3.085.000.000.000
Tổng cộng	5.302.199.439.403	2.114.075.981.350	990.187.195.645	8.406.462.616.298

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	348.807.603.594	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.360.095.047.647
Chi phí phải trả	436.088.355.280	-	-	436.088.355.280
Tổng cộng	822.939.817.837	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.834.227.261.899

Chênh lệch thanh khoản thuận	4.479.259.621.566	718.845.566.974	(1.625.869.834.032)	3.572.235.354.408
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	----------------------------	--------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.893.688.723	-	-	1.186.893.688.723
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.445.851.965.073	-	-	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.138.293.352.972	-	-	2.138.293.352.972
Phải thu về cho vay	2.000.000.000.000	-	350.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	118.151.962.500	965.151.345.354	1.083.303.307.854
Tổng cộng	6.771.039.006.768	118.151.962.500	1.315.151.345.354	8.204.342.314.622
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	326.600.968.547	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	586.651.100.663	-	-	586.651.100.663
Chi phí phải trả	66.538.444.329	-	-	66.538.444.329
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
Tổng cộng	979.790.513.539	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	5.062.302.588.699
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.791.248.493.229	(1.188.251.911.688)	(1.460.956.855.578)	3.142.039.725.963

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-ĐN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:*

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	23.928.319.465	10.302.022.916
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	39.700.322.531	27.278.746.710
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	24.630.309.593	16.667.433.296
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.508.776.448	3.871.594.530
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	307.936.012
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	78.360.000	77.280.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	212.798.182	113.980.455
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	379.796.632.147	379.796.632.147
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	120.228.756.089	138.841.465.702
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	191.851.388.889	216.332.416.667
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	77.910.000.000	71.417.500.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	2.109.480.000	1.940.312.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng		
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	15.666.213.084	4.890.109.040
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	12.532.916.110	2.963.008.038
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	43.599.380.217	8.134.419.259
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Đầu tư tài chính		
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 2	735.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.350.000.000.000	350.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại và trình bày lại cho mục đích so sánh với số liệu trong ứng của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản						
1. Đầu tư ngắn hạn	121	3.445.451.965.073	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.445.851.965.073	Phân loại lại và đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	2.141.587.608.472	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.141.587.608.472	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	509.429.422	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	509.429.422	Đổi tên
Không trình bày			4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.000.000.000.000	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	133	299.054.371	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	857.722.580	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	558.667.809	6. Tài sản ngắn hạn khác	155		Phân loại lại
Không trình bày			7. Phải thu về cho vay dài hạn	215	350.000.000.000	Phân loại lại
Không trình bày			8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.087.136.197.991	Phân loại lại
6. Đầu tư dài hạn khác	258	1.555.288.160.491	10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	118.151.962.500	Phân loại lại
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	326.132.997.619	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	326.132.997.619	Đổi tên
3. Người mua trả tiền trước	313	162.756.018	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	162.756.018	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	308.136.084.547	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	308.136.084.547	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	260.518.103.044	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	260.518.103.044	Đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	326.600.968.547	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	326.600.968.547	Đổi tên
6. Vay và nợ dài hạn	334	4.082.512.075.120	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.082.512.075.120	Đổi tên
7. Vốn điều lệ	411	3.262.350.000.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350.000.000	Đổi tên
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	367.455.968.856	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	481.135.500.966	Phân loại lại
9. Quỹ dự phòng tài chính	418	113.679.525.000	Không trình bày			Phân loại lại
III. Kết quả hoạt động kinh doanh						
1. Lợi cơ bản trên cơ phiếu	70	3.284	1. Lợi cơ bản trên cơ phiếu	70	3.315	Tính toán lại

(Handwritten signature)

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

(Handwritten signature)

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc